

Họ & tên:

Lớp:

Em nghe đọc mẫu và tự luyện đọc thành tiếng, đọc thầm bài đọc:

TIẾNG NƯỚC MÌNH

Tiếng *bố* là dấu sắc
Có phải không bố ơi?
Cao như mây đỉnh núi
Bát ngát như trùng khơi.

Tiếng *mẹ* là dấu nặng
Bập bẹ thuở đầu đời
Ngọt ngào như dòng sữa
Nuôi con lớn thành người.

Tiếng *võng* là dấu ngã
Kéo kẹt suốt mùa hè
Bà ru cháu khôn lớn
Trong êm đềm tiếng ve.

Tiếng *làng* là dấu huyền
Có sân đình bến nước
Có cánh diều tuổi thơ
Nâng cả trời mơ ước.

Tiếng *cỏ* là dấu hỏi
Tuổi thơ chơi chọi gà
Nếu tiếng không có dấu
Là tiếng em reo ca.

Trúc Lâm

Câu 1. Bài thơ nhắc đến những dấu thanh nào của tiếng Việt? (Chọn nhiều đáp án đúng)

- a. dấu huyền
- b. dấu sắc
- c. dấu hỏi
- d. dấu phẩy
- e. dấu ngã
- g. dấu nặng

Câu 2. Ở khổ thơ 1 và khổ thơ 2, dấu sắc và dấu nặng được nhắc đến qua tiếng nào? Em hãy nối từ ngữ với tiếng và hình ảnh phù hợp.

dấu sắc

a. mẹ

dấu nặng

b. bố

Câu 3. Những hình ảnh so sánh nào được gợi ra từ tiếng bố, mẹ?
Em nối các từ ngữ ở hai cột cho phù hợp.

Cao như mây đỉnh núi

mẹ

Bát ngát như trùng khơi

bố

Ngọt ngào như dòng sữa

Nuôi con lớn thành người

Câu 4: Trong bài thơ, dấu ngã, dấu huyền, dấu hỏi gắn với tiếng nào?
Em hãy nối từ ngữ ở 2 cột cho phù hợp.

dấu ngã

võng

dấu huyền

cỏ

dấu hỏi

làng

Câu 5. Mỗi tiếng võng, làng, cỏ gợi nhớ đến điều gì? Em hãy ghép nối từ ngữ ở 2 cột cho phù hợp.

cỏ

vòng

làng

Hình ảnh thân thương của bà đưa võng ru cháu ngủ suốt mùa hè.

Trò chơi chơi cỏ gà của tuổi thơ.

Làng quê thân thương với sân đình, bến nước, cảnh điều tuổi thơ.

Câu 6. Tiếng em được nhắc đến trong hai câu thơ cuối bài có gì khác với các tiếng được nhắc tới trong bài thơ?

- a. không có hình ảnh
- b. không có âm thanh
- c. không có dấu thanh

